Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi
TRƯỜNG THPT VẠN TƯỜNG

BẢNG ĐIỂM MÔN TOÁN LỚP 11B7
HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2022 - 2023

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	Học kỳ 1							
			ĐĐG TX				ĐĐG GK1	ĐĐG CK1	TBM HK1	Nhận xét HK1
1	Trần Thị Phương Anh	28/10/2006	9.0	6.0	7.5	8.5	6.7	4.6	6.5	
2	Bùi Tấn Á	02/01/2005	6.0	6.0	4.0	5.0	4.2	4.8	4.9	
3	Hồ Ngọc Ánh	10/10/2006	7.0	5.0	3.5	6.0	3.4	3.6	4.3	
4	Phạm Lê Thị Cẩm	07/04/2006	6.0	3.5	4.0	5.0	3.5	3.7	4.1	
5	Nguyễn Thụy Thanh Chung	24/06/2006	8.0	7.0	6.5	6.0	5.3	5.4	6.0	
6	LÊ PHÍ MỸ HÀ	29/11/2006	5.0	4.0	3.0	5.0	2.9	3.8	3.8	
7	Nguyễn Thị Thu Hà	20/04/2006	5.0	4.5	4.5	3.0	3.5	4.6	4.2	
8	Nguyễn Thị Thuý Hiền	04/01/2006	7.0	6.5	5.5	6.0	3.7	4.4	5.1	
9	Nguyễn Hoàng Huân	23/07/2006	0.0	4.5	1.5	4.0	4.3	3.8	3.3	
10	Nguyễn Thanh Huy	08/08/2006	8.0	8.0	7.5	7.0	6.1	6.2	6.8	
11	Trần Anh Kiệt	30/05/2006	9.0	9.0	8.5	9.0	9.1	7.4	8.4	
12	Tiêu Viết Lương	23/02/2006	7.0	8.5	6.0	7.5	7.4	3.5	6.0	
13	Nguyễn Hà My	18/09/2006	7.0	7.0	3.5	5.0	4.3	5.6	5.3	
14	Nguyễn Thị Ngọc Nghi	04/07/2006	7.0	5.0	5.0	6.0	4.7	5.1	5.3	
15	Phạm Yến Nhi	22/05/2006	9.0	6.5	6.5	6.0	7.1	4.0	6.0	
16	Phạm Yến Nhi	19/05/2006	8.0	7.0	4.5	6.0	5.9	6.4	6.3	
17	Bùi Thị Quỳnh Như	28/07/2006	8.0	7.0	6.0	7.0	6.1	6.3	6.6	
18	Lê Quỳnh Như	23/08/2006	8.0	4.5	4.5	6.0	4.9	4.6	5.2	
19	Nguyễn Tấn Pháp	30/08/2006	6.0	5.0	4.0	4.0	3.2	3.8	4.1	
20	Nguyễn Quốc Phú	14/06/2006	5.0	4.0	3.0	3.0	3.1	2.2	3.1	
21	Nguyễn Thị Kim Phụng	30/04/2006	9.0	8.0	8.0	8.5	6.4	7.2	7.5	
22	Nguyễn Thị Bảo Quyên	08/07/2006	8.0	7.0	6.5	6.5	7.1	5.6	6.6	
23	Phạm Thị Mỹ Quyên	01/02/2006	10	8.0	8.0	8.5	6.8	7.2	7.7	
24	Võ Hải Dương Quý	17/05/2006	5.0	6.0	5.0	6.0	2.2	2.4	3.7	
25	Nguyễn Văn Thắng	01/01/2006	0.0	5.5	3.0	3.0	5.5	3.1	3.5	
26	Phù Văn Thuận	14/08/2006	6.0	7.5	6.5	7.0	4.2	5.4	5.7	
27	Lê Thị Thùy	01/01/2006	7.0	3.5	4.0	6.0	3.3	6.6	5.2	
28	Nguyễn Thị Thương	10/07/2006	8.0	7.0	4.5	5.5	4.7	3.9	5.1	
29	Trương Thị Mỹ Tiền	06/11/2006	9.0	4.0	4.5	6.0	4.3	5.5	5.4	
30	Đỗ Bùi Quang Trung	17/11/2006	2.0	3.0	3.5	4.0	1.0	3.6	2.8	
31	Đỗ Hồng Trường	20/11/2006	7.0	6.5	5.5	6.0	4.6	4.9	5.4	
32	Nguyễn Văn Trường	24/07/2006	9.0	9.5	9.0	9.5	8.4	7.8	8.6	
33	Võ Văn Trưởng	22/01/2006	0.0	4.5	2.0	3.0	2.8	3.3	2.8	
34	Trương Nguyễn Anh Tuấn	13/10/2006	8.0	6.5	6.0	6.5	5.9	6.2	6.4	
35	Trương Thanh Tuấn	31/07/2006	10	7.5	8.5	8.0	7.8	9.0	8.5	
36	Bùi Kim Vàng	06/02/2005	7.0	5.0	4.0	6.0	2.8	3.2	4.1	
37	Nguyễn Thị Tường Vi	13/03/2006	8.0	6.0	7.5	6.0	6.2	6.2	6.5	
38	Nguyễn Bảo Việt	13/02/2006	9.0	8.0	8.5	7.0	7.4	8.2	8.0	
39	Tiêu Viết Vũ	14/07/2006	8.0	7.5	7.0	6.5	6.8	6.4	6.9	
40	Đỗ Lê Phượng Vy	02/12/2006	8.0	8.0	7.0	8.0	7.6	6.2	7.2	
41	Trần Thị Kim Yến	05/12/2006	7.0	7.0	5.0	6.0	5.7	6.2	6.1	

Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi
TRƯỜNG THPT VẠN TƯỜNG

BẢNG ĐIỂM MÔN VẬT LÍ LỚP 11B7
HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2022 - 2023

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	Học kỳ 1							
			ĐĐG TX				ĐĐG GK1	ĐĐG CK1	TBM HK1	Nhận xét HK1
1	Trần Thị Phương Anh	28/10/2006	5.5	7.0	6.0	6.5	6.3	4.8	5.8	
2	Bùi Tấn Á	02/01/2005	4.0	4.5	1.5	4.0	4.3	5.3	4.3	
3	Hồ Ngọc Ánh	10/10/2006	7.0	7.0	5.5	6.5	4.0	7.0	6.1	
4	Phạm Lê Thị Cẩm	07/04/2006	5.0	5.0	4.0	5.0	3.0	5.0	4.4	
5	Nguyễn Thụy Thanh Chung	24/06/2006	4.5	9.0	7.0	7.5	5.0	8.3	7.0	
6	LÊ PHÍ MỸ HÀ	29/11/2006	5.5	6.8	4.0	6.5	3.0	3.5	4.4	
7	Nguyễn Thị Thu Hà	20/04/2006	5.0	6.5	6.0	6.5	5.8	4.0	5.3	
8	Nguyễn Thị Thuý Hiền	04/01/2006	5.0	6.5	7.5	7.0	4.5	5.8	5.8	
9	Nguyễn Hoàng Huân	23/07/2006	3.0	5.0	1.0	4.0	2.8	3.0	3.1	
10	Nguyễn Thanh Huy	08/08/2006	6.5	8.8	8.0	8.5	5.0	6.3	6.7	
11	Trần Anh Kiệt	30/05/2006	8.5	10	10	9.0	9.0	8.8	9.1	
12	Tiêu Viết Lương	23/02/2006	5.0	7.5	5.0	6.5	6.8	7.0	6.5	
13	Nguyễn Hà My	18/09/2006	7.0	8.3	7.5	8.0	4.3	5.3	6.1	
14	Nguyễn Thị Ngọc Nghi	04/07/2006	5.5	8.0	4.0	6.5	4.8	5.5	5.6	
15	Phạm Yến Nhi	22/05/2006	8.0	6.8	5.0	7.0	5.5	5.5	6.0	
16	Phạm Yến Nhi	19/05/2006	6.5	7.5	6.0	7.0	4.5	7.0	6.3	
17	Bùi Thị Quỳnh Như	28/07/2006	7.0	7.5	5.0	7.5	6.8	8.5	7.3	
18	Lê Quỳnh Như	23/08/2006	7.5	9.0	8.0	8.5	7.0	5.5	7.1	
19	Nguyễn Tấn Pháp	30/08/2006	4.0	4.5	5.5	5.0	4.3	4.0	4.4	
20	Nguyễn Quốc Phú	14/06/2006	3.5	4.5	4.0	4.5	3.3	4.3	4.0	
21	Nguyễn Thị Kim Phụng	30/04/2006	4.5	4.0	7.5	7.0	6.0	6.0	5.9	
22	Nguyễn Thị Bảo Quyên	08/07/2006	7.0	9.5	8.5	8.5	7.0	8.0	7.9	
23	Phạm Thị Mỹ Quyên	01/02/2006	6.5	9.5	7.5	8.5	7.8	8.5	8.1	
24	Võ Hải Dương Quý	17/05/2006	4.0	5.0	1.0	3.0	3.3	2.8	3.1	
25	Nguyễn Văn Thắng	01/01/2006	3.0	6.0	1.5	3.0	4.8	3.8	3.8	
26	Phù Văn Thuận	14/08/2006	7.5	6.0	4.5	7.0	6.0	7.0	6.4	
27	Lê Thị Thùy	01/01/2006	3.0	6.0	1.5	3.5	3.0	5.3	4.0	
28	Nguyễn Thị Thương	10/07/2006	7.0	7.0	5.0	7.0	6.5	5.5	6.2	
29	Trương Thị Mỹ Tiền	06/11/2006	5.5	7.5	5.5	6.5	6.0	6.3	6.2	
30	Đỗ Bùi Quang Trung	17/11/2006	4.5	4.5	6.0	6.0	2.3	1.8	3.4	
31	Đỗ Hồng Trường	20/11/2006	6.0	8.3	8.5	8.0	6.5	7.0	7.2	
32	Nguyễn Văn Trường	24/07/2006	9.0	10	10	10	8.8	9.5	9.5	
33	Võ Văn Trưởng	22/01/2006	4.5	7.5	2.5	5.0	3.3	5.5	4.7	
34	Trương Nguyễn Anh Tuấn	13/10/2006	6.0	8.0	8.0	8.5	7.0	8.5	7.8	
35	Trương Thanh Tuấn	31/07/2006	8.0	9.5	9.0	9.0	8.3	8.0	8.5	
36	Bùi Kim Vàng	06/02/2005	6.0	7.0	8.0	8.0	5.0	5.8	6.3	
37	Nguyễn Thị Tường Vi	13/03/2006	6.5	8.0	8.5	8.0	5.0	7.0	6.9	
38	Nguyễn Bảo Việt	13/02/2006	4.0	8.5	9.5	7.5	7.0	8.5	7.7	
39	Tiêu Viết Vũ	14/07/2006	6.0	9.0	8.0	7.5	7.8	8.5	8.0	
40	Đỗ Lê Phượng Vy	02/12/2006	7.5	8.0	9.0	8.0	7.0	8.8	8.1	
41	Trần Thị Kim Yến	05/12/2006	6.5	7.5	8.0	7.5	6.0	8.3	7.4	

Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi
TRƯỜNG THPT VẠN TƯỜNG

BẢNG ĐIỂM MÔN HÓA HỌC LỚP 11B7
HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2022 - 2023

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	Học kỳ 1							
			ĐĐG TX				ĐĐG GK1	ĐĐG CK1	TBM HK1	Nhận xét HK1
1	Trần Thị Phương Anh	28/10/2006	7.0	8.0	7.0	8.0	6.8	7.3	7.3	
2	Bùi Tấn Á	02/01/2005	5.0	6.0	4.0	7.0	7.0	6.1	6.0	
3	Hồ Ngọc Ánh	10/10/2006	5.0	7.0	5.0	6.0	5.8	6.0	5.8	
4	Phạm Lê Thị Cẩm	07/04/2006	5.0	3.0	3.0	5.0	4.4	4.3	4.2	
5	Nguyễn Thụy Thanh Chung	24/06/2006	7.0	7.0	7.0	8.0	7.8	8.4	7.8	
6	LÊ PHÍ MỸ HÀ	29/11/2006	5.0	5.0	3.0	5.0	3.1	4.0	4.0	
7	Nguyễn Thị Thu Hà	20/04/2006	6.0	4.0	6.0	5.0	6.0	6.2	5.7	
8	Nguyễn Thị Thuý Hiền	04/01/2006	8.0	6.0	5.0	5.0	5.1	7.3	6.2	
9	Nguyễn Hoàng Huân	23/07/2006	4.0	4.0	3.0	3.0	2.0	7.0	4.3	
10	Nguyễn Thanh Huy	08/08/2006	5.0	7.0	8.0	7.0	6.9	8.0	7.2	
11	Trần Anh Kiệt	30/05/2006	7.0	9.0	9.0	8.0	9.0	8.4	8.5	
12	Tiêu Viết Lương	23/02/2006	5.0	7.0	6.0	5.0	7.4	5.5	6.0	
13	Nguyễn Hà My	18/09/2006	5.0	6.0	5.0	4.0	5.4	4.9	5.1	
14	Nguyễn Thị Ngọc Nghi	04/07/2006	5.0	5.0	7.0	5.0	3.8	6.1	5.3	
15	Phạm Yến Nhi	22/05/2006	8.0	5.0	5.0	5.0	5.8	5.9	5.8	
16	Phạm Yến Nhi	19/05/2006	5.0	8.0	8.0	8.0	6.7	7.1	7.1	
17	Bùi Thị Quỳnh Như	28/07/2006	7.0	10	10	7.0	6.9	8.3	8.1	
18	Lê Quỳnh Như	23/08/2006	8.0	8.0	8.0	7.0	5.6	5.3	6.5	
19	Nguyễn Tấn Pháp	30/08/2006	4.0	3.0	3.0	7.0	4.4	4.5	4.4	
20	Nguyễn Quốc Phú	14/06/2006	3.0	4.0	2.0	2.0	2.3	5.5	3.6	
21	Nguyễn Thị Kim Phụng	30/04/2006	7.0	8.0	8.0	8.0	6.9	5.9	6.9	
22	Nguyễn Thị Bảo Quyên	08/07/2006	6.0	7.0	9.0	8.0	8.5	8.3	8.0	
23	Phạm Thị Mỹ Quyên	01/02/2006	10	9.0	10	9.0	8.5	7.8	8.7	
24	Võ Hải Dương Quý	17/05/2006	3.0	5.0	4.0	4.0	4.2	4.5	4.2	
25	Nguyễn Văn Thắng	01/01/2006	3.0	7.0	3.0	4.0	4.4	5.4	4.7	
26	Phù Văn Thuận	14/08/2006	6.0	9.0	6.0	8.0	7.0	7.1	7.1	
27	Lê Thị Thùy	01/01/2006	5.0	4.0	3.0	4.0	7.3	4.4	4.9	
28	Nguyễn Thị Thương	10/07/2006	7.0	2.0	7.0	7.0	6.2	7.8	6.5	
29	Trương Thị Mỹ Tiền	06/11/2006	6.0	7.0	7.0	8.0	7.7	8.3	7.6	
30	Đỗ Bùi Quang Trung	17/11/2006	5.0	2.0	2.0	5.0	3.4	5.3	4.1	
31	Đỗ Hồng Trường	20/11/2006	8.0	7.0	9.0	7.0	5.6	7.0	7.0	
32	Nguyễn Văn Trường	24/07/2006	8.0	9.0	10	9.0	9.0	8.5	8.8	
33	Võ Văn Trưởng	22/01/2006	5.0	3.0	4.0	5.0	6.0	5.1	4.9	
34	Trương Nguyễn Anh Tuấn	13/10/2006	7.0	7.0	7.0	4.0	6.9	5.6	6.2	
35	Trương Thanh Tuấn	31/07/2006	9.0	9.0	10	9.0	6.1	9.4	8.6	
36	Bùi Kim Vàng	06/02/2005	5.0	7.0	5.0	7.0	3.7	5.3	5.3	
37	Nguyễn Thị Tường Vi	13/03/2006	6.0	6.0	6.0	7.0	7.1	8.0	7.0	
38	Nguyễn Bảo Việt	13/02/2006	7.0	6.0	10	6.0	8.2	7.8	7.6	
39	Tiêu Viết Vũ	14/07/2006	8.0	8.0	10	8.0	8.6	8.3	8.5	
40	Đỗ Lê Phượng Vy	02/12/2006	8.0	10	10	9.0	7.6	7.8	8.4	
41	Trần Thị Kim Yến	05/12/2006	5.0	4.0	5.0	5.0	5.9	6.6	5.6	

Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi
TRƯỜNG THPT VẠN TƯỜNG

BẢNG ĐIỂM MÔN SINH HỌC LỚP 11B7
HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2022 - 2023

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	Học kỳ 1						
			ĐĐG TX			ĐĐG GK1	ĐĐG CK1	TBM HK1	Nhận xét HK1
1	Trần Thị Phương Anh	28/10/2006	5.0	7.0	7.0	5.0	7.5	6.4	
2	Bùi Tấn Á	02/01/2005	5.0	5.0	9.5	2.8	4.5	4.8	
3	Hồ Ngọc Ánh	10/10/2006	6.0	8.0	6.0	2.8	7.0	5.8	
4	Phạm Lê Thị Cẩm	07/04/2006	8.0	7.0	8.0	5.3	6.0	6.5	
5	Nguyễn Thụy Thanh Chung	24/06/2006	7.0	6.0	8.0	6.0	6.3	6.5	
6	LÊ PHÍ MỸ HÀ	29/11/2006	5.0	7.0	7.5	5.5	5.5	5.9	
7	Nguyễn Thị Thu Hà	20/04/2006	6.0	8.0	9.5	7.0	7.5	7.5	
8	Nguyễn Thị Thuý Hiền	04/01/2006	7.0	6.0	9.5	7.8	5.8	6.9	
9	Nguyễn Hoàng Huân	23/07/2006	5.0	5.0	6.0	5.0	4.5	4.9	
10	Nguyễn Thanh Huy	08/08/2006	6.0	7.0	8.5	6.0	4.3	5.8	
11	Trần Anh Kiệt	30/05/2006	7.0	6.0	9.5	8.8	7.3	7.8	
12	Tiêu Viết Lương	23/02/2006	8.0	5.0	6.5	4.8	4.0	5.1	
13	Nguyễn Hà My	18/09/2006	7.0	8.0	5.5	4.3	4.0	5.1	
14	Nguyễn Thị Ngọc Nghi	04/07/2006	8.0	6.0	8.0	3.8	3.3	4.9	
15	Phạm Yến Nhi	22/05/2006	8.0	7.0	8.0	7.0	6.3	7.0	
16	Phạm Yến Nhi	19/05/2006	6.0	6.0	8.5	7.8	6.3	6.9	
17	Bùi Thị Quỳnh Như	28/07/2006	9.0	7.0	8.5	5.5	6.8	7.0	
18	Lê Quỳnh Như	23/08/2006	7.0	6.0	7.0	7.3	5.3	6.3	
19	Nguyễn Tấn Pháp	30/08/2006	5.0	5.0	9.0	5.5	4.0	5.3	
20	Nguyễn Quốc Phú	14/06/2006	7.0	5.0	8.0	2.8	4.8	5.0	
21	Nguyễn Thị Kim Phụng	30/04/2006	9.0	6.0	7.0	7.3	8.8	7.9	
22	Nguyễn Thị Bảo Quyên	08/07/2006	7.0	5.0	9.5	6.3	7.0	6.9	
23	Phạm Thị Mỹ Quyên	01/02/2006	8.0	6.0	8.5	3.3	7.3	6.4	
24	Võ Hải Dương Quý	17/05/2006	5.0	6.0	6.5	4.5	3.3	4.6	
25	Nguyễn Văn Thắng	01/01/2006	6.0	6.0	9.0	5.5	2.8	5.1	
26	Phù Văn Thuận	14/08/2006	6.0	6.0	3.5	5.5	5.3	5.3	
27	Lê Thị Thùy	01/01/2006	5.0	6.0	7.0	8.5	3.5	5.7	
28	Nguyễn Thị Thương	10/07/2006	6.0	6.0	10	5.5	5.5	6.2	
29	Trương Thị Mỹ Tiền	06/11/2006	7.0	8.0	10	7.5	8.8	8.3	
30	Đỗ Bùi Quang Trung	17/11/2006	5.0	7.0	4.5	4.0	4.3	4.7	
31	Đỗ Hồng Trường	20/11/2006	7.0	7.0	9.5	8.5	5.3	7.1	
32	Nguyễn Văn Trường	24/07/2006	9.0	7.0	7.5	9.0	9.0	8.6	
33	Võ Văn Trưởng	22/01/2006	7.0	6.0	5.5	6.5	4.5	5.6	
34	Trương Nguyễn Anh Tuấn	13/10/2006	7.0	7.0	5.5	5.5	5.5	5.9	
35	Trương Thanh Tuấn	31/07/2006	7.0	7.0	7.5	8.0	5.8	6.9	
36	Bùi Kim Vàng	06/02/2005	5.0	5.0	7.5	2.5	2.8	3.9	
37	Nguyễn Thị Tường Vi	13/03/2006	8.0	8.0	7.5	6.3	6.3	6.9	
38	Nguyễn Bảo Việt	13/02/2006	7.0	7.0	3.5	6.0	5.0	5.6	
39	Tiêu Viết Vũ	14/07/2006	7.0	6.0	6.0	7.5	7.5	7.1	
40	Đỗ Lê Phượng Vy	02/12/2006	5.0	7.0	9.5	4.5	7.5	6.6	
41	Trần Thị Kim Yến	05/12/2006	6.0	5.0	8.0	7.3	7.0	6.8	

Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi
TRƯỜNG THPT VẠN TƯỜNG

BẢNG ĐIỂM MÔN TIN HỌC LỚP 11B7
HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2022 - 2023

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	Học kỳ 1						
			ĐĐG TX			ĐĐG GK1	ĐĐG CK1	TBM HK1	Nhận xét HK1
1	Trần Thị Phương Anh	28/10/2006	8.0	8.0	9.0	6.5	6.0	7.0	
2	Bùi Tấn Á	02/01/2005	5.0	7.0	4.0	6.5	5.3	5.6	
3	Hồ Ngọc Ánh	10/10/2006	3.0	6.0	8.0	5.0	5.5	5.4	
4	Phạm Lê Thị Cẩm	07/04/2006	5.0	3.0	5.0	5.8	5.3	5.1	
5	Nguyễn Thụy Thanh Chung	24/06/2006	5.0	5.0	5.0	6.0	7.0	6.0	
6	LÊ PHÍ MỸ HÀ	29/11/2006	6.0	6.0	5.0	4.8	5.5	5.4	
7	Nguyễn Thị Thu Hà	20/04/2006	6.0	7.0	5.0	4.5	4.8	5.2	
8	Nguyễn Thị Thuý Hiền	04/01/2006	6.0	6.0	6.0	5.5	5.5	5.7	
9	Nguyễn Hoàng Huân	23/07/2006	3.0	6.0	4.0	4.5	5.0	4.6	
10	Nguyễn Thanh Huy	08/08/2006	5.0	5.0	6.0	6.3	5.5	5.6	
11	Trần Anh Kiệt	30/05/2006	10	7.0	6.0	6.3	6.8	7.0	
12	Tiêu Viết Lương	23/02/2006	5.0	7.0	5.0	4.8	5.5	5.4	
13	Nguyễn Hà My	18/09/2006	3.0	6.0	5.0	6.3	7.3	6.1	
14	Nguyễn Thị Ngọc Nghi	04/07/2006	4.0	6.0	5.0	5.5	7.8	6.2	
15	Phạm Yến Nhi	22/05/2006	7.0	7.0	7.0	5.8	6.8	6.6	
16	Phạm Yến Nhi	19/05/2006	3.0	5.0	4.0	5.5	6.8	5.4	
17	Bùi Thị Quỳnh Như	28/07/2006	7.0	6.0	6.0	6.5	6.8	6.6	
18	Lê Quỳnh Như	23/08/2006	6.0	8.0	5.0	6.5	4.8	5.8	
19	Nguyễn Tấn Pháp	30/08/2006	7.0	8.0	6.0	6.8	6.0	6.6	
20	Nguyễn Quốc Phú	14/06/2006	5.0	8.0	4.0	5.3	7.0	6.1	
21	Nguyễn Thị Kim Phụng	30/04/2006	7.0	8.0	7.0	6.5	6.8	6.9	
22	Nguyễn Thị Bảo Quyên	08/07/2006	6.0	4.0	7.0	6.5	7.3	6.5	
23	Phạm Thị Mỹ Quyên	01/02/2006	8.0	8.0	7.0	7.5	6.8	7.3	
24	Võ Hải Dương Quý	17/05/2006	4.0	5.0	4.0	5.0	5.8	5.1	
25	Nguyễn Văn Thắng	01/01/2006	3.0	8.0	4.0	7.0	7.8	6.6	
26	Phù Văn Thuận	14/08/2006	9.0	6.0	4.0	7.8	7.3	7.1	
27	Lê Thị Thùy	01/01/2006	4.0	6.0	6.0	5.3	5.3	5.3	
28	Nguyễn Thị Thương	10/07/2006	7.0	6.0	5.0	5.0	6.5	5.9	
29	Trương Thị Mỹ Tiền	06/11/2006	4.0	6.0	5.0	4.5	7.3	5.7	
30	Đỗ Bùi Quang Trung	17/11/2006	7.0	6.0	5.0	5.0	7.0	6.1	
31	Đỗ Hồng Trường	20/11/2006	4.0	2.0	8.0	6.5	6.0	5.6	
32	Nguyễn Văn Trường	24/07/2006	9.0	7.0	5.0	7.8	8.0	7.6	
33	Võ Văn Trưởng	22/01/2006	3.0	5.0	4.0	4.3	7.8	5.5	
34	Trương Nguyễn Anh Tuấn	13/10/2006	5.0	5.0	5.0	5.8	5.0	5.2	
35	Trương Thanh Tuấn	31/07/2006	5.0	6.0	5.0	6.3	6.8	6.1	
36	Bùi Kim Vàng	06/02/2005	4.0	4.0	5.0	4.3	5.8	4.9	
37	Nguyễn Thị Tường Vi	13/03/2006	7.0	6.0	4.0	7.3	6.8	6.5	
38	Nguyễn Bảo Việt	13/02/2006	4.0	4.0	4.0	5.3	7.8	5.8	
39	Tiêu Viết Vũ	14/07/2006	5.0	8.0	5.0	8.0	6.3	6.6	
40	Đỗ Lê Phượng Vy	02/12/2006	10	8.0	10	6.5	6.3	7.5	
41	Trần Thị Kim Yến	05/12/2006	4.0	6.0	6.0	4.8	6.8	5.8	

Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi
TRƯỜNG THPT VẠN TƯỜNG

BẢNG ĐIỂM MÔN NGỮ VĂN LỚP 11B7
HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2022 - 2023

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	Học kỳ 1							
			ĐĐG TX				ĐĐG GK1	ĐĐG CK1	TBM HK1	Nhận xét HK1
1	Trần Thị Phương Anh	28/10/2006	6.5	6.5	6.0	8.0	6.0	7.0	6.7	
2	Bùi Tấn Á	02/01/2005	2.0	3.5	3.5	7.0	4.0	5.0	4.3	
3	Hồ Ngọc Ánh	10/10/2006	6.5	6.5	4.0	7.0	6.5	6.0	6.1	
4	Phạm Lê Thị Cẩm	07/04/2006	2.5	4.5	4.5	4.0	6.0	5.5	4.9	
5	Nguyễn Thụy Thanh Chung	24/06/2006	5.0	6.5	4.0	5.0	5.0	6.0	5.4	
6	LÊ PHÍ MỸ HÀ	29/11/2006	3.5	6.0	5.5	7.0	4.5	4.0	4.8	
7	Nguyễn Thị Thu Hà	20/04/2006	4.0	6.5	6.5	9.0	6.0	4.0	5.6	
8	Nguyễn Thị Thuý Hiền	04/01/2006	2.0	6.5	6.0	7.0	4.5	6.0	5.4	
9	Nguyễn Hoàng Huân	23/07/2006	6.0	5.0	6.0	7.0	5.0	5.5	5.6	
10	Nguyễn Thanh Huy	08/08/2006	4.0	6.0	6.0	7.0	4.5	4.5	5.1	
11	Trần Anh Kiệt	30/05/2006	4.5	7.0	7.5	10	6.5	7.0	7.0	
12	Tiêu Viết Lương	23/02/2006	5.0	6.5	5.0	7.0	5.5	6.0	5.8	
13	Nguyễn Hà My	18/09/2006	4.0	5.5	4.5	5.0	5.0	5.0	4.9	
14	Nguyễn Thị Ngọc Nghi	04/07/2006	1.5	6.5	5.5	5.0	4.0	5.5	4.8	
15	Phạm Yến Nhi	22/05/2006	6.5	7.5	7.5	10	6.5	6.0	6.9	
16	Phạm Yến Nhi	19/05/2006	5.5	6.5	3.5	8.0	3.5	5.0	5.1	
17	Bùi Thị Quỳnh Như	28/07/2006	2.0	6.5	8.0	8.0	4.5	7.5	6.2	
18	Lê Quỳnh Như	23/08/2006	5.5	6.5	6.0	9.0	3.5	6.0	5.8	
19	Nguyễn Tấn Pháp	30/08/2006	2.0	5.5	4.0	7.0	3.0	5.0	4.4	
20	Nguyễn Quốc Phú	14/06/2006	3.0	5.0	5.5	8.0	3.5	5.5	5.0	
21	Nguyễn Thị Kim Phụng	30/04/2006	4.5	8.0	7.5	8.0	6.0	8.5	7.3	
22	Nguyễn Thị Bảo Quyên	08/07/2006	6.5	6.5	5.5	8.0	5.0	5.5	5.9	
23	Phạm Thị Mỹ Quyên	01/02/2006	6.0	6.0	7.5	10	7.0	6.0	6.8	
24	Võ Hải Dương Quý	17/05/2006	3.5	6.0	4.0	3.0	6.0	5.5	5.0	
25	Nguyễn Văn Thắng	01/01/2006	5.0	6.5	5.0	7.0	5.0	4.0	5.1	
26	Phù Văn Thuận	14/08/2006	6.0	6.5	5.5	6.0	5.0	4.5	5.3	
27	Lê Thị Thùy	01/01/2006	5.5	7.0	6.0	10	8.5	5.5	6.9	
28	Nguyễn Thị Thương	10/07/2006	3.5	6.0	6.0	7.0	5.0	6.5	5.8	
29	Trương Thị Mỹ Tiền	06/11/2006	6.0	5.0	7.5	9.0	5.5	6.0	6.3	
30	Đỗ Bùi Quang Trung	17/11/2006	4.0	6.0	3.0	7.0	4.5	5.0	4.9	
31	Đỗ Hồng Trường	20/11/2006	5.0	6.5	6.0	6.0	6.5	6.0	6.1	
32	Nguyễn Văn Trường	24/07/2006	5.5	7.5	7.5	10	7.0	7.0	7.3	
33	Võ Văn Trưởng	22/01/2006	6.0	1.0	4.0	5.0	5.0	4.0	4.2	
34	Trương Nguyễn Anh Tuấn	13/10/2006	2.0	0.0	6.0	7.0	5.5	4.5	4.4	
35	Trương Thanh Tuấn	31/07/2006	1.5	5.5	5.0	8.0	6.0	5.5	5.4	
36	Bùi Kim Vàng	06/02/2005	0.0	5.5	0.0	6.0	2.0	3.5	2.9	
37	Nguyễn Thị Tường Vi	13/03/2006	4.5	7.0	7.0	7.0	6.0	6.5	6.3	
38	Nguyễn Bảo Việt	13/02/2006	1.5	4.5	4.5	8.0	6.0	5.0	5.1	
39	Tiêu Viết Vũ	14/07/2006	5.5	5.5	5.0	7.0	6.5	6.5	6.2	
40	Đỗ Lê Phượng Vy	02/12/2006	5.0	6.0	6.0	9.0	6.0	7.5	6.7	
41	Trần Thị Kim Yến	05/12/2006	3.0	5.5	3.0	9.0	4.0	5.5	5.0	

Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi

TRƯỜNG THPT VẠN TƯỜNG

BẢNG ĐIỂM MÔN LỊCH SỬ LỚP 11B7

HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2022 - 2023

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	Học kỳ 1					
			ĐĐG TX		ĐĐG GK1	ĐĐG CK1	TBM HK1	Nhận xét HK1
1	Trần Thị Phương Anh	28/10/2006	8.0	9.0	8.5	7.5	8.1	
2	Bùi Tấn Á	02/01/2005	8.0	8.0	5.0	4.0	5.4	
3	Hồ Ngọc Ánh	10/10/2006	8.0	8.0	6.8	7.0	7.2	
4	Phạm Lê Thị Cẩm	07/04/2006	8.0	8.0	4.8	5.8	6.1	
5	Nguyễn Thụy Thanh Chung	24/06/2006	6.0	9.0	6.0	6.3	6.6	
6	LÊ PHÍ MỸ HÀ	29/11/2006	7.0	8.0	4.3	7.0	6.4	
7	Nguyễn Thị Thu Hà	20/04/2006	7.0	8.0	6.5	6.8	6.9	
8	Nguyễn Thị Thuý Hiền	04/01/2006	7.0	8.0	7.3	6.8	7.1	
9	Nguyễn Hoàng Huân	23/07/2006	5.0	6.0	5.8	7.8	6.6	
10	Nguyễn Thanh Huy	08/08/2006	8.0	8.0	7.0	7.0	7.3	
11	Trần Anh Kiệt	30/05/2006	8.0	8.0	8.3	7.3	7.8	
12	Tiêu Viết Lương	23/02/2006	7.0	7.0	7.8	8.8	8.0	
13	Nguyễn Hà My	18/09/2006	8.0	8.0	6.5	4.5	6.1	
14	Nguyễn Thị Ngọc Nghi	04/07/2006	6.0	7.0	2.5	5.8	5.1	
15	Phạm Yến Nhi	22/05/2006	8.0	9.0	7.0	7.3	7.6	
16	Phạm Yến Nhi	19/05/2006	8.0	9.0	8.3	6.3	7.5	
17	Bùi Thị Quỳnh Như	28/07/2006	7.0	8.0	5.8	6.5	6.6	
18	Lê Quỳnh Như	23/08/2006	8.0	8.0	8.8	5.5	7.2	
19	Nguyễn Tấn Pháp	30/08/2006	8.0	7.0	7.8	7.0	7.4	
20	Nguyễn Quốc Phú	14/06/2006	8.0	8.0	5.0	6.3	6.4	
21	Nguyễn Thị Kim Phụng	30/04/2006	9.0	9.0	8.3	7.8	8.3	
22	Nguyễn Thị Bảo Quyên	08/07/2006	7.0	8.0	8.8	8.5	8.3	
23	Phạm Thị Mỹ Quyên	01/02/2006	8.0	9.0	8.8	6.3	7.6	
24	Võ Hải Dương Quý	17/05/2006	8.0	8.0	6.8	6.5	7.0	
25	Nguyễn Văn Thắng	01/01/2006	8.0	8.0	5.0	4.3	5.6	
26	Phù Văn Thuận	14/08/2006	8.0	8.0	6.0	7.5	7.2	
27	Lê Thị Thùy	01/01/2006	7.0	8.0	7.8	7.5	7.6	
28	Nguyễn Thị Thương	10/07/2006	6.0	7.0	7.8	6.0	6.7	
29	Trương Thị Mỹ Tiền	06/11/2006	8.0	8.0	8.5	7.3	7.8	
30	Đỗ Bùi Quang Trung	17/11/2006	8.0	8.0	5.0	3.5	5.2	
31	Đỗ Hồng Trường	20/11/2006	8.0	8.0	8.0	7.3	7.7	
32	Nguyễn Văn Trường	24/07/2006	8.0	8.0	9.5	8.3	8.6	
33	Võ Văn Trưởng	22/01/2006	6.0	7.0	6.5	5.8	6.2	
34	Trương Nguyễn Anh Tuấn	13/10/2006	8.0	8.0	6.3	5.8	6.6	
35	Trương Thanh Tuấn	31/07/2006	8.0	8.0	6.8	5.8	6.7	
36	Bùi Kim Vàng	06/02/2005	8.0	9.0	3.0	8.3	6.8	
37	Nguyễn Thị Tường Vi	13/03/2006	7.0	8.0	6.3	6.3	6.6	
38	Nguyễn Bảo Việt	13/02/2006	6.0	6.0	7.5	5.8	6.3	
39	Tiêu Viết Vũ	14/07/2006	7.0	8.0	9.3	6.8	7.7	
40	Đỗ Lê Phượng Vy	02/12/2006	7.0	8.0	8.5	7.5	7.8	
41	Trần Thị Kim Yến	05/12/2006	8.0	8.0	7.5	7.0	7.4	

Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi
TRƯỜNG THPT VẠN TƯỜNG

BẢNG ĐIỂM MÔN ĐỊA LÍ LỚP 11B7
HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2022 - 2023

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	Học kỳ 1					
			ĐĐG TX		ĐĐG GK1	ĐĐG CK1	TBM HK1	Nhận xét HK1
1	Trần Thị Phương Anh	28/10/2006	8.0	8.0	7.8	5.0	6.7	
2	Bùi Tấn Á	02/01/2005	6.0	7.0	5.3	5.5	5.7	
3	Hồ Ngọc Ánh	10/10/2006	7.0	8.0	4.5	4.8	5.5	
4	Phạm Lê Thị Cẩm	07/04/2006	8.0	7.0	5.5	4.3	5.6	
5	Nguyễn Thụy Thanh Chung	24/06/2006	8.0	6.0	4.3	5.5	5.6	
6	LÊ PHÍ MỸ HÀ	29/11/2006	9.0	8.0	4.8	5.0	5.9	
7	Nguyễn Thị Thu Hà	20/04/2006	9.0	8.0	7.0	5.3	6.7	
8	Nguyễn Thị Thuý Hiền	04/01/2006	8.0	8.0	5.8	5.3	6.2	
9	Nguyễn Hoàng Huân	23/07/2006	7.0	8.0	4.3	6.3	6.1	
10	Nguyễn Thanh Huy	08/08/2006	8.0	8.0	7.0	6.5	7.1	
11	Trần Anh Kiệt	30/05/2006	9.0	9.0	7.8	7.5	8.0	
12	Tiêu Viết Lương	23/02/2006	8.0	5.0	5.0	5.5	5.6	
13	Nguyễn Hà My	18/09/2006	7.0	8.0	5.3	6.0	6.2	
14	Nguyễn Thị Ngọc Nghi	04/07/2006	8.0	7.0	5.5	5.0	5.9	
15	Phạm Yến Nhi	22/05/2006	8.0	6.0	3.8	6.3	5.8	
16	Phạm Yến Nhi	19/05/2006	9.0	8.0	5.5	4.5	5.9	
17	Bùi Thị Quỳnh Như	28/07/2006	9.0	6.0	6.0	4.3	5.7	
18	Lê Quỳnh Như	23/08/2006	9.0	6.0	6.3	5.3	6.2	
19	Nguyễn Tấn Pháp	30/08/2006	8.0	6.0	5.3	5.5	5.9	
20	Nguyễn Quốc Phú	14/06/2006	8.0	8.0	5.5	7.0	6.9	
21	Nguyễn Thị Kim Phụng	30/04/2006	8.0	10	8.0	6.8	7.8	
22	Nguyễn Thị Bảo Quyên	08/07/2006	8.0	9.0	5.0	7.0	6.9	
23	Phạm Thị Mỹ Quyên	01/02/2006	8.0	8.0	5.8	6.0	6.5	
24	Võ Hải Dương Quý	17/05/2006	8.0	3.0	5.8	6.0	5.8	
25	Nguyễn Văn Thắng	01/01/2006	7.0	6.0	5.5	5.5	5.8	
26	Phù Văn Thuận	14/08/2006	8.0	7.0	5.5	4.3	5.6	
27	Lê Thị Thùy	01/01/2006	8.0	8.0	6.0	5.5	6.4	
28	Nguyễn Thị Thương	10/07/2006	8.0	7.0	4.8	4.0	5.2	
29	Trương Thị Mỹ Tiền	06/11/2006	8.0	8.0	4.5	5.3	5.8	
30	Đỗ Bùi Quang Trung	17/11/2006	8.0	6.0	4.3	3.8	4.9	
31	Đỗ Hồng Trường	20/11/2006	8.0	8.0	6.8	6.3	6.9	
32	Nguyễn Văn Trường	24/07/2006	8.0	8.0	7.5	6.5	7.2	
33	Võ Văn Trưởng	22/01/2006	8.0	3.0	4.3	3.8	4.4	
34	Trương Nguyễn Anh Tuấn	13/10/2006	8.0	7.0	7.5	5.0	6.4	
35	Trương Thanh Tuấn	31/07/2006	8.0	7.0	6.3	4.5	5.9	
36	Bùi Kim Vàng	06/02/2005	8.0	6.0	4.5	4.0	5.0	
37	Nguyễn Thị Tường Vi	13/03/2006	8.0	7.0	4.8	6.0	6.1	
38	Nguyễn Bảo Việt	13/02/2006	8.0	5.0	6.3	6.8	6.6	
39	Tiêu Viết Vũ	14/07/2006	8.0	7.0	7.8	5.8	6.9	
40	Đỗ Lê Phượng Vy	02/12/2006	8.0	8.0	6.3	5.5	6.4	
41	Trần Thị Kim Yến	05/12/2006	6.0	6.0	7.3	4.3	5.6	

Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi
TRƯỜNG THPT VẠN TƯỜNG

BẢNG ĐIỂM MÔN TIẾNG ANH LỚP 11B7
HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2022 - 2023

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	Học kỳ 1							
			ĐĐG TX				ĐĐG GK1	ĐĐG CK1	TBM HK1	Nhận xét HK1
1	Trần Thị Phương Anh	28/10/2006	9.0	8.0	9.5	10	6.2	8.3	8.2	
2	Bùi Tấn Á	02/01/2005	3.0	7.0	8.0	3.5	6.8	7.9	6.5	
3	Hồ Ngọc Ánh	10/10/2006	6.5	7.0	7.0	8.0	5.0	9.2	7.3	
4	Phạm Lê Thị Cẩm	07/04/2006	6.0	8.0	7.0	7.5	4.6	7.6	6.7	
5	Nguyễn Thụy Thanh Chung	24/06/2006	7.5	8.0	9.0	8.5	5.5	9.2	8.0	
6	LÊ PHÍ MỸ HÀ	29/11/2006	6.5	8.0	6.0	7.0	3.8	7.7	6.5	
7	Nguyễn Thị Thu Hà	20/04/2006	8.0	8.0	6.0	8.5	3.5	8.5	7.0	
8	Nguyễn Thị Thuý Hiền	04/01/2006	6.5	8.0	6.0	7.0	6.5	8.7	7.4	
9	Nguyễn Hoàng Huân	23/07/2006	3.0	6.5	8.0	5.0	1.8	6.3	5.0	
10	Nguyễn Thanh Huy	08/08/2006	3.0	7.0	7.5	5.0	4.4	8.1	6.2	
11	Trần Anh Kiệt	30/05/2006	8.0	8.0	10	8.5	7.8	9.0	8.6	
12	Tiêu Viết Lương	23/02/2006	3.0	8.0	5.0	5.5	7.0	7.9	6.6	
13	Nguyễn Hà My	18/09/2006	7.5	8.0	6.0	8.0	4.3	7.7	6.8	
14	Nguyễn Thị Ngọc Nghi	04/07/2006	7.0	7.5	7.0	7.5	6.9	7.4	7.2	
15	Phạm Yến Nhi	22/05/2006	6.5	7.5	5.0	8.5	3.4	8.0	6.5	
16	Phạm Yến Nhi	19/05/2006	8.0	8.0	8.5	9.0	8.5	9.7	8.8	
17	Bùi Thị Quỳnh Như	28/07/2006	8.5	7.5	7.5	9.0	4.7	9.2	7.7	
18	Lê Quỳnh Như	23/08/2006	7.5	8.0	7.5	8.5	5.0	5.6	6.5	
19	Nguyễn Tấn Pháp	30/08/2006	5.0	6.5	9.5	7.0	3.5	6.3	6.0	
20	Nguyễn Quốc Phú	14/06/2006	5.0	6.5	6.0	7.0	3.3	5.8	5.4	
21	Nguyễn Thị Kim Phụng	30/04/2006	8.0	7.5	9.5	8.5	5.8	8.0	7.7	
22	Nguyễn Thị Bảo Quyên	08/07/2006	8.5	8.0	9.5	9.0	6.5	9.4	8.5	
23	Phạm Thị Mỹ Quyên	01/02/2006	9.0	8.5	9.5	10	5.4	8.0	8.0	
24	Võ Hải Dương Quý	17/05/2006	4.0	7.0	7.5	4.5	2.0	7.8	5.6	
25	Nguyễn Văn Thắng	01/01/2006	8.0	7.5	7.5	8.5	2.0	7.4	6.4	
26	Phù Văn Thuận	14/08/2006	8.5	7.5	9.5	9.0	7.3	9.2	8.5	
27	Lê Thị Thùy	01/01/2006	8.5	7.5	9.0	9.0	8.5	8.4	8.5	
28	Nguyễn Thị Thương	10/07/2006	6.5	8.0	6.0	8.0	2.4	8.4	6.5	
29	Trương Thị Mỹ Tiền	06/11/2006	7.0	8.0	8.0	8.0	6.8	9.4	8.1	
30	Đỗ Bùi Quang Trung	17/11/2006	5.0	6.5	6.0	8.0	1.8	5.3	5.0	
31	Đỗ Hồng Trường	20/11/2006	6.0	7.5	9.0	6.5	4.6	9.2	7.3	
32	Nguyễn Văn Trường	24/07/2006	9.0	8.0	9.5	9.0	7.9	9.8	9.0	
33	Võ Văn Trưởng	22/01/2006	3.0	8.0	6.0	7.0	3.3	7.6	5.9	
34	Trương Nguyễn Anh Tuấn	13/10/2006	5.0	7.0	6.0	5.5	3.8	7.1	5.8	
35	Trương Thanh Tuấn	31/07/2006	6.0	7.0	8.0	7.5	6.4	7.1	7.0	
36	Bùi Kim Vàng	06/02/2005	4.0	7.0	7.5	6.0	3.8	5.3	5.3	
37	Nguyễn Thị Tường Vi	13/03/2006	6.5	8.0	7.5	7.5	7.8	9.4	8.1	
38	Nguyễn Bảo Việt	13/02/2006	7.0	7.0	5.5	8.0	3.8	7.8	6.5	
39	Tiêu Viết Vũ	14/07/2006	7.5	8.0	8.0	8.5	6.8	8.8	8.0	
40	Đỗ Lê Phượng Vy	02/12/2006	8.0	8.0	9.5	9.0	6.8	9.6	8.5	
41	Trần Thị Kim Yến	05/12/2006	7.5	7.5	9.5	8.0	7.3	8.6	8.1	

Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi

TRƯỜNG THPT VẠN TƯỜNG

BẢNG ĐIỂM MÔN GDCD LỚP 11B7

HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2022 - 2023

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	Học kỳ 1					
			ĐĐG TX		ĐĐG GK1	ĐĐG CK1	TBM HK1	Nhận xét HK1
1	Trần Thị Phương Anh	28/10/2006	6.0	4.0	5.8	7.5	6.3	
2	Bùi Tấn Á	02/01/2005	6.0	5.0	3.5	7.3	5.7	
3	Hồ Ngọc Ánh	10/10/2006	6.0	8.0	4.8	6.5	6.2	
4	Phạm Lê Thị Cẩm	07/04/2006	6.0	7.0	5.3	6.3	6.1	
5	Nguyễn Thụy Thanh Chung	24/06/2006	6.0	7.0	6.3	6.0	6.2	
6	LÊ PHÍ MỸ HÀ	29/11/2006	6.0	8.0	5.0	7.8	6.8	
7	Nguyễn Thị Thu Hà	20/04/2006	6.0	8.0	7.0	7.3	7.1	
8	Nguyễn Thị Thuý Hiền	04/01/2006	6.0	7.0	6.0	7.0	6.6	
9	Nguyễn Hoàng Huân	23/07/2006	6.0	6.0	5.0	5.0	5.3	
10	Nguyễn Thanh Huy	08/08/2006	6.0	5.0	7.0	7.5	6.8	
11	Trần Anh Kiệt	30/05/2006	6.0	9.0	4.3	8.3	6.9	
12	Tiêu Viết Lương	23/02/2006	6.0	5.0	6.5	8.0	6.9	
13	Nguyễn Hà My	18/09/2006	6.0	7.0	5.0	6.0	5.9	
14	Nguyễn Thị Ngọc Nghi	04/07/2006	6.0	7.0	6.5	7.0	6.7	
15	Phạm Yến Nhi	22/05/2006	6.0	8.0	5.5	6.5	6.4	
16	Phạm Yến Nhi	19/05/2006	6.0	6.0	7.0	6.5	6.5	
17	Bùi Thị Quỳnh Như	28/07/2006	6.0	8.0	6.3	6.3	6.5	
18	Lê Quỳnh Như	23/08/2006	6.0	7.0	6.8	5.5	6.2	
19	Nguyễn Tấn Pháp	30/08/2006	6.0	5.0	3.8	6.8	5.6	
20	Nguyễn Quốc Phú	14/06/2006	6.0	8.0	7.0	4.0	5.7	
21	Nguyễn Thị Kim Phụng	30/04/2006	9.0	6.0	7.3	7.5	7.4	
22	Nguyễn Thị Bảo Quyên	08/07/2006	6.0	7.0	6.5	6.5	6.5	
23	Phạm Thị Mỹ Quyên	01/02/2006	9.0	8.0	6.5	8.3	7.8	
24	Võ Hải Dương Quý	17/05/2006	6.0	5.0	4.0	8.3	6.3	
25	Nguyễn Văn Thắng	01/01/2006	6.0	7.0	6.0	6.3	6.3	
26	Phù Văn Thuận	14/08/2006	6.0	8.0	6.0	5.3	6.0	
27	Lê Thị Thùy	01/01/2006	7.0	7.0	7.0	9.0	7.9	
28	Nguyễn Thị Thương	10/07/2006	6.0	7.0	3.0	7.0	5.7	
29	Trương Thị Mỹ Tiền	06/11/2006	6.0	5.0	6.8	6.5	6.3	
30	Đỗ Bùi Quang Trung	17/11/2006	6.0	7.0	2.8	4.5	4.6	
31	Đỗ Hồng Trường	20/11/2006	6.0	8.0	5.0	8.0	6.9	
32	Nguyễn Văn Trường	24/07/2006	6.0	7.0	6.3	7.8	7.0	
33	Võ Văn Trưởng	22/01/2006	5.0	4.0	5.0	5.0	4.9	
34	Trương Nguyễn Anh Tuấn	13/10/2006	6.5	8.0	5.0	7.3	6.6	
35	Trương Thanh Tuấn	31/07/2006	5.0	4.0	6.8	6.0	5.8	
36	Bùi Kim Vàng	06/02/2005	6.0	5.0	4.3	6.3	5.5	
37	Nguyễn Thị Tường Vi	13/03/2006	6.0	5.0	6.5	5.5	5.8	
38	Nguyễn Bảo Việt	13/02/2006	5.0	5.0	3.5	5.5	4.8	
39	Tiêu Viết Vũ	14/07/2006	6.0	6.0	6.8	4.8	5.7	
40	Đỗ Lê Phượng Vy	02/12/2006	6.0	7.0	5.0	7.8	6.6	
41	Trần Thị Kim Yến	05/12/2006	6.0	4.0	6.0	7.0	6.1	

Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi
TRƯỜNG THPT VẠN TƯỜNG

BẢNG ĐIỂM MÔN CÔNG NGHỆ LỚP 11B7
HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2022 - 2023

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	Học kỳ 1						
			ĐĐG TX			ĐĐG GK1	ĐĐG CK1	TBM HK1	Nhận xét HK1
1	Trần Thị Phương Anh	28/10/2006	5.5	7.0	7.5	7.0	9.3	7.7	
2	Bùi Tấn Á	02/01/2005	4.5	6.0	6.5	7.0	7.0	6.5	
3	Hồ Ngọc Ánh	10/10/2006	6.0	8.0	7.5	7.0	8.8	7.7	
4	Phạm Lê Thị Cẩm	07/04/2006	5.0	6.0	7.0	7.5	6.3	6.5	
5	Nguyễn Thụy Thanh Chung	24/06/2006	6.0	7.0	7.5	6.5	8.5	7.4	
6	LÊ PHÍ MỸ HÀ	29/11/2006	6.0	6.5	7.5	8.0	6.0	6.8	
7	Nguyễn Thị Thu Hà	20/04/2006	5.5	8.0	7.5	8.0	7.0	7.3	
8	Nguyễn Thị Thuý Hiền	04/01/2006	6.0	8.0	7.0	7.0	8.5	7.6	
9	Nguyễn Hoàng Huân	23/07/2006	0.0	7.0	6.0	8.0	6.0	5.9	
10	Nguyễn Thanh Huy	08/08/2006	5.0	7.0	6.5	6.5	7.5	6.8	
11	Trần Anh Kiệt	30/05/2006	6.0	9.0	8.5	7.0	10	8.4	
12	Tiêu Viết Lương	23/02/2006	3.5	7.0	6.5	6.5	7.3	6.5	
13	Nguyễn Hà My	18/09/2006	4.5	6.5	7.5	7.0	8.0	7.1	
14	Nguyễn Thị Ngọc Nghi	04/07/2006	6.5	7.5	8.0	6.5	6.3	6.7	
15	Phạm Yến Nhi	22/05/2006	6.5	7.0	8.0	7.0	8.0	7.4	
16	Phạm Yến Nhi	19/05/2006	3.5	6.5	8.0	7.0	8.8	7.3	
17	Bùi Thị Quỳnh Như	28/07/2006	4.5	7.0	8.5	8.0	9.0	7.9	
18	Lê Quỳnh Như	23/08/2006	7.5	6.5	8.0	7.0	6.0	6.8	
19	Nguyễn Tấn Pháp	30/08/2006	0.0	6.5	7.0	7.0	8.5	6.6	
20	Nguyễn Quốc Phú	14/06/2006	5.5	6.0	6.5	7.5	7.5	6.9	
21	Nguyễn Thị Kim Phụng	30/04/2006	6.5	7.0	7.5	7.0	7.8	7.3	
22	Nguyễn Thị Bảo Quyên	08/07/2006	5.0	7.0	7.5	7.0	9.0	7.6	
23	Phạm Thị Mỹ Quyên	01/02/2006	6.5	8.0	8.5	8.0	7.3	7.6	
24	Võ Hải Dương Quý	17/05/2006	4.0	6.0	6.0	6.0	7.3	6.2	
25	Nguyễn Văn Thắng	01/01/2006	0.0	5.0	6.0	7.0	7.3	5.9	
26	Phù Văn Thuận	14/08/2006	0.0	7.5	7.0	7.0	8.3	6.7	
27	Lê Thị Thùy	01/01/2006	4.0	7.0	7.0	8.0	9.0	7.6	
28	Nguyễn Thị Thương	10/07/2006	7.0	7.0	7.5	7.0	9.0	7.8	
29	Trương Thị Mỹ Tiền	06/11/2006	6.5	8.0	7.0	7.5	9.0	7.9	
30	Đỗ Bùi Quang Trung	17/11/2006	0.0	7.0	7.5	7.0	7.5	6.4	
31	Đỗ Hồng Trường	20/11/2006	5.0	6.0	7.5	7.0	6.8	6.6	
32	Nguyễn Văn Trường	24/07/2006	6.5	7.0	7.5	7.0	8.0	7.4	
33	Võ Văn Trưởng	22/01/2006	7.0	7.0	6.0	7.0	7.3	7.0	
34	Trương Nguyễn Anh Tuấn	13/10/2006	3.5	6.0	8.5	7.0	8.0	7.0	
35	Trương Thanh Tuấn	31/07/2006	4.0	7.0	7.5	6.5	8.0	6.9	
36	Bùi Kim Vàng	06/02/2005	5.0	6.0	8.5	7.0	8.5	7.4	
37	Nguyễn Thị Tường Vi	13/03/2006	6.5	8.0	8.0	7.0	8.5	7.8	
38	Nguyễn Bảo Việt	13/02/2006	4.0	7.0	7.0	7.0	9.8	7.7	
39	Tiêu Viết Vũ	14/07/2006	4.0	6.5	7.5	6.5	7.8	6.8	
40	Đỗ Lê Phượng Vy	02/12/2006	5.5	7.0	7.5	7.0	10	8.0	
41	Trần Thị Kim Yến	05/12/2006	7.0	8.0	8.0	7.0	9.0	8.0	

Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi

TRƯỜNG THPT VẠN TƯỜNG

BẢNG ĐIỂM MÔN THỂ DỤC LỚP 11B7

HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2022 - 2023

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	Học kỳ 1					
			ĐĐG TX			ĐĐG GK1	ĐĐG CK1	TBM HK1
1	Trần Thị Phương Anh	28/10/2006	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
2	Bùi Tấn Á	02/01/2005	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
3	Hồ Ngọc Ánh	10/10/2006	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
4	Phạm Lê Thị Cẩm	07/04/2006	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
5	Nguyễn Thụy Thanh Chung	24/06/2006	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
6	LÊ PHÍ MỸ HÀ	29/11/2006	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
7	Nguyễn Thị Thu Hà	20/04/2006	CĐ	CĐ	Đ	CĐ	Đ	CĐ
8	Nguyễn Thị Thuý Hiền	04/01/2006	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
9	Nguyễn Hoàng Huân	23/07/2006	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
10	Nguyễn Thanh Huy	08/08/2006	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
11	Trần Anh Kiệt	30/05/2006	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
12	Tiêu Viết Lương	23/02/2006	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
13	Nguyễn Hà My	18/09/2006	Đ	CĐ	CĐ	CĐ	Đ	CĐ
14	Nguyễn Thị Ngọc Nghi	04/07/2006	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
15	Phạm Yến Nhi	22/05/2006	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
16	Phạm Yến Nhi	19/05/2006	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
17	Bùi Thị Quỳnh Như	28/07/2006	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
18	Lê Quỳnh Như	23/08/2006	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
19	Nguyễn Tấn Pháp	30/08/2006	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
20	Nguyễn Quốc Phú	14/06/2006	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
21	Nguyễn Thị Kim Phụng	30/04/2006	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
22	Nguyễn Thị Bảo Quyên	08/07/2006	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
23	Phạm Thị Mỹ Quyên	01/02/2006	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
24	Võ Hải Dương Quý	17/05/2006	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	Đ	CĐ
25	Nguyễn Văn Thắng	01/01/2006	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
26	Phù Văn Thuận	14/08/2006	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
27	Lê Thị Thùy	01/01/2006	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
28	Nguyễn Thị Thương	10/07/2006	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
29	Trương Thị Mỹ Tiền	06/11/2006	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
30	Đỗ Bùi Quang Trung	17/11/2006	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
31	Đỗ Hồng Trường	20/11/2006	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
32	Nguyễn Văn Trường	24/07/2006	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
33	Võ Văn Trưởng	22/01/2006	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
34	Trương Nguyễn Anh Tuấn	13/10/2006	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
35	Trương Thanh Tuấn	31/07/2006	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
36	Bùi Kim Vàng	06/02/2005	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
37	Nguyễn Thị Tường Vi	13/03/2006	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
38	Nguyễn Bảo Việt	13/02/2006	CĐ	CĐ	CĐ	Đ	Đ	CĐ
39	Tiêu Viết Vũ	14/07/2006	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
40	Đỗ Lê Phượng Vy	02/12/2006	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ
41	Trần Thị Kim Yến	05/12/2006	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ

Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi
TRƯỜNG THPT VẠN TƯỜNG

BẢNG ĐIỂM MÔN GDQP AN LỚP 11B7
HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2022 - 2023

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	Học kỳ 1					
			ĐĐG TX		ĐĐG GK1	ĐĐG CK1	TBM HK1	Nhận xét HK1
1	Trần Thị Phương Anh	28/10/2006	8.5	7.0	8.0	9.0	8.4	
2	Bùi Tấn Á	02/01/2005	8.0	7.0	7.5	8.0	7.7	
3	Hồ Ngọc Ánh	10/10/2006	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	
4	Phạm Lê Thị Cẩm	07/04/2006	8.0	6.0	7.5	7.0	7.1	
5	Nguyễn Thụy Thanh Chung	24/06/2006	8.0	6.0	7.5	7.5	7.4	
6	LÊ PHÍ MỸ HÀ	29/11/2006	8.0	7.0	7.5	7.5	7.5	
7	Nguyễn Thị Thu Hà	20/04/2006	8.0	6.5	7.5	8.5	7.9	
8	Nguyễn Thị Thuý Hiền	04/01/2006	8.0	6.0	7.5	7.0	7.1	
9	Nguyễn Hoàng Huân	23/07/2006	8.0	6.0	7.5	7.0	7.1	
10	Nguyễn Thanh Huy	08/08/2006	8.0	6.5	8.0	7.5	7.6	
11	Trần Anh Kiệt	30/05/2006	9.0	7.5	8.0	9.0	8.5	
12	Tiêu Viết Lương	23/02/2006	7.0	7.5	7.0	6.0	6.6	
13	Nguyễn Hà My	18/09/2006	8.0	8.0	8.0	7.5	7.8	
14	Nguyễn Thị Ngọc Nghi	04/07/2006	8.0	6.5	8.0	7.5	7.6	
15	Phạm Yến Nhi	22/05/2006	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	
16	Phạm Yến Nhi	19/05/2006	8.5	8.0	8.0	9.0	8.5	
17	Bùi Thị Quỳnh Như	28/07/2006	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	
18	Lê Quỳnh Như	23/08/2006	8.0	8.0	7.0	7.0	7.3	
19	Nguyễn Tấn Pháp	30/08/2006	8.0	7.5	8.0	8.0	7.9	
20	Nguyễn Quốc Phú	14/06/2006	8.0	7.0	8.0	8.0	7.9	
21	Nguyễn Thị Kim Phụng	30/04/2006	8.0	7.0	8.0	8.5	8.1	
22	Nguyễn Thị Bảo Quyên	08/07/2006	8.0	7.5	7.0	7.5	7.4	
23	Phạm Thị Mỹ Quyên	01/02/2006	9.0	8.0	8.0	9.0	8.6	
24	Võ Hải Dương Quý	17/05/2006	8.0	8.0	7.5	8.0	7.9	
25	Nguyễn Văn Thắng	01/01/2006	8.5	8.0	7.5	9.0	8.4	
26	Phù Văn Thuận	14/08/2006	9.0	8.0	8.0	9.0	8.6	
27	Lê Thị Thùy	01/01/2006	8.5	7.5	8.5	9.0	8.6	
28	Nguyễn Thị Thương	10/07/2006	8.0	7.5	8.0	8.0	7.9	
29	Trương Thị Mỹ Tiền	06/11/2006	8.0	8.0	8.0	7.5	7.8	
30	Đỗ Bùi Quang Trung	17/11/2006	8.0	7.0	8.0	8.0	7.9	
31	Đỗ Hồng Trường	20/11/2006	8.0	6.5	8.0	8.0	7.8	
32	Nguyễn Văn Trường	24/07/2006	8.5	8.0	7.5	9.0	8.4	
33	Võ Văn Trưởng	22/01/2006	8.0	6.0	8.0	8.0	7.7	
34	Trương Nguyễn Anh Tuấn	13/10/2006	8.0	6.0	8.5	7.5	7.6	
35	Trương Thanh Tuấn	31/07/2006	8.0	6.5	7.5	7.0	7.2	
36	Bùi Kim Vàng	06/02/2005	8.0	6.5	8.5	8.0	7.9	
37	Nguyễn Thị Tường Vi	13/03/2006	8.0	7.5	7.5	8.0	7.8	
38	Nguyễn Bảo Việt	13/02/2006	8.0	5.0	8.5	7.5	7.5	
39	Tiêu Viết Vũ	14/07/2006	7.0	6.5	7.0	7.0	6.9	
40	Đỗ Lê Phượng Vy	02/12/2006	9.0	7.0	8.5	8.5	8.4	
41	Trần Thị Kim Yến	05/12/2006	8.0	6.0	7.5	8.5	7.8	

Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi
TRƯỜNG THPT VẠN TƯỜNG

BẢNG ĐIỂM MÔN NGHỀ PHỔ THÔNG LỚP 11B7
HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2022 - 2023

Số TT	Họ và tên	Ngày sinh	Học kỳ 1							
			ĐĐG TX				ĐĐG GK1	ĐĐG CK1	TBM HK1	Nhận xét HK1
1	Trần Thị Phương Anh	28/10/2006	7.0	8.5	8.5	9.0	9.3	9.0	8.7	
2	Bùi Tấn Á	02/01/2005	7.5	8.0	8.5	8.0	8.8	8.5	8.3	
3	Hồ Ngọc Ánh	10/10/2006	8.5	8.5	8.0	9.0	8.3	8.5	8.5	
4	Phạm Lê Thị Cẩm	07/04/2006	8.0	8.0	8.3	8.5	8.0	9.0	8.4	
5	Nguyễn Thụy Thanh Chung	24/06/2006	7.5	8.5	9.0	8.0	8.5	9.3	8.7	
6	LÊ PHÍ MỸ HÀ	29/11/2006	7.0	8.0	8.0	8.5	8.5	8.0	8.1	
7	Nguyễn Thị Thu Hà	20/04/2006	9.0	8.5	8.5	8.0	8.0	9.0	8.6	
8	Nguyễn Thị Thuý Hiền	04/01/2006	8.0	8.0	9.0	8.5	8.5	9.3	8.7	
9	Nguyễn Hoàng Huân	23/07/2006	7.5	8.5	8.5	8.0	9.0	8.8	8.5	
10	Nguyễn Thanh Huy	08/08/2006	7.0	9.0	7.5	8.0	8.5	8.5	8.2	
11	Trần Anh Kiệt	30/05/2006	8.5	9.0	9.5	9.0	8.5	9.3	9.0	
12	Tiêu Viết Lương	23/02/2006	8.0	9.0	8.5	7.5	8.0	8.5	8.3	
13	Nguyễn Hà My	18/09/2006	8.5	8.5	9.0	8.0	8.5	9.0	8.7	
14	Nguyễn Thị Ngọc Nghi	04/07/2006	8.0	8.0	8.5	9.0	8.0	8.5	8.3	
15	Phạm Yến Nhi	22/05/2006	9.0	8.0	8.5	8.0	8.5	9.0	8.6	
16	Phạm Yến Nhi	19/05/2006	8.0	8.5	7.0	8.0	8.3	8.8	8.3	
17	Bùi Thị Quỳnh Như	28/07/2006	9.0	8.0	7.5	9.5	8.0	8.5	8.4	
18	Lê Quỳnh Như	23/08/2006	7.0	9.0	8.5	9.0	8.3	8.0	8.2	
19	Nguyễn Tấn Pháp	30/08/2006	6.0	8.0	8.5	8.0	8.0	8.5	8.0	
20	Nguyễn Quốc Phú	14/06/2006	7.5	8.5	8.0	7.5	8.3	8.0	8.0	
21	Nguyễn Thị Kim Phụng	30/04/2006	9.0	8.5	9.0	9.5	9.0	9.0	9.0	
22	Nguyễn Thị Bảo Quyên	08/07/2006	8.0	7.5	8.0	8.0	8.5	8.5	8.2	
23	Phạm Thị Mỹ Quyên	01/02/2006	9.0	9.5	9.0	8.5	9.0	9.5	9.2	
24	Võ Hải Dương Quý	17/05/2006	6.0	7.5	8.0	8.0	8.5	8.5	8.0	
25	Nguyễn Văn Thắng	01/01/2006	6.5	7.0	8.5	8.5	8.0	8.5	8.0	
26	Phù Văn Thuận	14/08/2006	8.0	8.5	8.5	7.5	9.0	8.5	8.4	
27	Lê Thị Thùy	01/01/2006	7.5	8.0	7.5	7.5	8.5	8.3	8.0	
28	Nguyễn Thị Thương	10/07/2006	7.0	9.0	8.5	8.0	8.8	8.5	8.4	
29	Trương Thị Mỹ Tiền	06/11/2006	8.5	8.0	9.0	8.5	9.0	9.0	8.8	
30	Đỗ Bùi Quang Trung	17/11/2006	8.0	7.5	8.5	8.5	8.0	8.5	8.2	
31	Đỗ Hồng Trường	20/11/2006	9.0	9.5	8.5	8.5	9.5	9.0	9.1	
32	Nguyễn Văn Trường	24/07/2006	9.0	9.0	9.5	9.0	9.0	9.0	9.1	
33	Võ Văn Trưởng	22/01/2006	9.0	7.0	7.5	8.0	8.0	8.5	8.1	
34	Trương Nguyễn Anh Tuấn	13/10/2006	8.0	9.0	9.0	8.5	8.5	9.0	8.7	
35	Trương Thanh Tuấn	31/07/2006	8.5	8.0	8.0	9.0	9.0	8.5	8.6	
36	Bùi Kim Vàng	06/02/2005	8.0	8.0	7.5	9.0	8.5	8.5	8.3	
37	Nguyễn Thị Tường Vi	13/03/2006	8.0	9.0	8.5	8.0	8.0	8.5	8.3	
38	Nguyễn Bảo Việt	13/02/2006	8.0	8.0	8.5	8.5	8.0	9.0	8.4	
39	Tiêu Viết Vũ	14/07/2006	7.5	8.0	9.0	9.0	8.5	8.5	8.4	
40	Đỗ Lê Phượng Vy	02/12/2006	7.0	7.5	8.0	8.5	8.0	9.0	8.2	
41	Trần Thị Kim Yến	05/12/2006	8.0	8.5	9.0	8.5	9.0	9.0	8.8	